

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 15-5-2023  
V/v: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn B.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Kim Huệ.
- Ông Vũ Minh Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: K 5, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh CM.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: K 5, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh CM.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị R trình bày: Vào năm 1993 bà và ông Nguyễn Văn B sống chung với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh CM vào ngày 11 tháng 9 năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 180, quyển số 01). Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc đến năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàng gắn được. Vì vậy bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn B. Trong quá trình chung sống bà và ông B có hai người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/11/1994 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/12/1997, hiện hai người con chung đã trưởng

thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Văn B vắng mặt và không cung cấp lời khai, chứng cứ cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị R yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn B. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

- Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị R có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị R.

- Ông Nguyễn Văn B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị R với ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, đến năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị Trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị R với ông Nguyễn Văn B là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 31 tháng 01 năm 2023 bà Nguyễn Thị R yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn B. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn B nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông Nguyễn Văn B vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị R. Bà Nguyễn Thị R cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, bà R hiện không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn B. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị R với ông Nguyễn Văn B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị R yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn B có hai người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/11/1994 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/12/1997, hiện hai người con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị R phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị R với ông Nguyễn Văn B.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị R phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0018556 ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; Bà Nguyễn Thị R đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nay chuyển thu.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND TT Cái Đôi vàm, H. Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn B**